

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/DS-ST

Ngày: 29-9-2021

V/v Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Hai.

2. Bà Võ Thị Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Kim Xoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 334/2021/TLST-DS, ngày 31 tháng 5 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2021/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 140b/2021/QĐST-DS, ngày 20 tháng 7 năm 2021, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 23/TB-TA, ngày 17 tháng 8 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 367/TB-TA, ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Dương Thị U, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Huỳnh Thị Ngọc L, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm M, thị trấn T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Dương Thị C, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Lê Việt H, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Nguyễn Minh T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm M, thị trấn T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 20/4/2021 và tại phiên hòa giải, bà Dương Thị U là nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/9/2018 (âm lịch), bà U cho bà Huỳnh Thị Ngọc L vay số tiền 24.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả vốn, chỉ thỏa thuận mỗi tháng trả tiền lãi 30.000 đồng. Sau khi vay thì bà L chưa trả được khoản tiền lãi nào mà nói do quá khó khăn, đề nghị được trả tiền vốn hàng ngày, mỗi ngày trả 100.000 đồng, không tính lãi nữa thì bà U đồng ý.

Mặc dù thỏa thuận như vậy nhưng bà L cũng không trả. Do đó bà U đã nhờ người quen của mình đòi tiền thì bà L trả được các khoản như sau:

Lần 1: Không nhớ thời gian, bà U nhờ bà Dương Thị C là chị ruột đòi tiền, bà L có trả nhiều lần được số tiền tổng cộng 2.000.000 đồng.

Lần 2: Không nhớ thời gian, bà U nhờ anh Lê Việt H là cháu đòi tiền, bà L có trả nhiều lần được số tiền tổng cộng 3.800.000 đồng. Anh H cũng có nói cho bà L số tiền 2.000.000 đồng, bà U cũng đồng ý.

Lần 3: Không nhớ thời gian, bà U nhờ anh Nguyễn Minh T đòi tiền, bà L có trả nhiều lần được số tiền tổng cộng 1.500.000 đồng và không trả nữa.

Tính đến nay, bà L đã trả cho bà U số tiền 7.300.000 đồng, còn nợ số tiền 16.700.000 đồng. Do trước đó bà U đã đồng ý cho bà L số tiền 2.000.000 đồng nên nay chỉ yêu cầu trả số tiền 14.700.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Tại phiên hòa giải, bà Huỳnh Thị Ngọc L là bị đơn trình bày:

Bà L thừa nhận có vay của bà U số tiền 24.000.000 đồng, không tính lãi theo đúng biên nhận mà bà U cung cấp. Hai bên thỏa thuận bà L sẽ trả cho bà U 70.000 đồng/ngày cho đến khi hết nợ.

Sau khi vay tiền do hoàn cảnh khó khăn nên bà L không có tiền trả cho bà U. Bà U kêu người thân của bà U nhiều lần đến nhà đe dọa yêu cầu bà L trả tiền. Bà L đã trả cho bà U được số tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Bà L trả cho bà U số tiền 2.000.000 đồng, do bà Dương Thị C là chị ruột của bà U nhận thay.

Lần 2: Bà L trả cho bà U số tiền 3.800.000 đồng, do anh Lê Việt H là cháu của bà U nhận thay. Anh H có nói cho bà L số tiền 2.000.000 đồng trong số tiền bà L còn thiếu.

Lần 3: Số tiền nợ còn lại là 16.200.000 đồng thì bà L đã trả hết cho bà U, do anh Nguyễn Minh T là cháu của bà U nhận thay. Bà L trả tiền cho anh T nhiều lần, mỗi ngày 50.000 đồng nhưng không đều đặn, hôm nào có tiền thì mới trả. Bà L và anh T đều có sổ theo dõi việc giao nhận tiền, mỗi người giữ 01 sổ nhưng bà không mang sổ theo để cung cấp cho Tòa án. Nay bà L không đồng ý theo yêu cầu của bà U vì đã trả tiền xong.

Tại phiên hòa giải, bà Dương Thị C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà C là chị ruột của bà U, bà U có nhờ bà C đến nhà bà L để đòi tiền giùm. Bà L trả tiền nhiều lần, mỗi lần trả không có biên nhận, không ghi sổ, tổng cộng số tiền đã trả được là 2.000.000 đồng, bà đã giao đủ số tiền 2.000.000 đồng nói trên cho bà U.

Tại phiên hòa giải, anh Lê Việt H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Anh H là cháu họ của bà U, bà U có nhờ anh H đến nhà bà L để đòi tiền giùm. Bà L có giao cho anh số tiền 3.800.000 đồng để trả khoản tiền vay cho bà U, anh đã giao đủ số tiền 3.800.000 đồng nói trên cho bà U. Đồng thời được sự đồng ý của bà U nên anh H có nói với bà L là cho bà L 2.000.000 đồng trong khoản tiền mà bà L đã vay của bà U.

Tại phiên hòa giải, anh Nguyễn Minh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà U nhờ anh T đến nhà bà L để đòi tiền giùm. Bà L trả cho anh T nhiều lần, mỗi lần trả 50.000 đồng, tổng cộng được số tiền 1.500.000 đồng thì không trả nữa. Anh T đã đưa toàn bộ số tiền này cho bà U. Khi nhận tiền thì anh T không có làm biên nhận cũng như không ký vào sổ sách nào của bà L. Anh T xác định không nhận số tiền nào thêm từ bà L mà chỉ nhận tổng cộng 1.500.000 đồng. Không có việc anh T đã nhận số tiền 16.200.000 đồng như bà L trình bày. Trường hợp bà L chứng minh được anh T đã nhận số tiền này thì anh T đồng ý trả cho bà U số tiền bà L còn nợ lại là 14.700.000 đồng nếu bà U yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Dương Thị U và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về hợp đồng vay tài sản, địa chỉ của bị đơn tại huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Dương Thị U là nguyên đơn và bà Dương Thị C, anh Lê Việt H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin xét xử vắng mặt; bà Huỳnh Thị Ngọc L là bị đơn và anh Nguyễn Minh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị U, yêu cầu bà Huỳnh Thị Ngọc L trả cho bà U số tiền vay còn nợ là 14.700.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

[4] Để chứng minh cho yêu cầu của mình, bà U cung cấp 01 tờ giấy caro ghi ngày 16/9/2018 ÂL, có nội dung: “*Em có mượn của chị U tổng cộng 24 triệu tiền tháng*”. Tại phiên hòa giải, bà L thừa nhận có vay của bà U số tiền 24.000.000 đồng đúng như biên nhận mà bà U cung cấp. Như vậy, có căn cứ xác định vào ngày 24/10/2018 (tức là ngày 16/9/2018 âm lịch), bà U có cho bà L vay số tiền 24.000.000 đồng. Bên cạnh đó, hai bên cũng thống nhất vay không tính lãi, bà L sẽ trả tiền vốn hàng ngày đến khi xong số nợ.

[5] Về quá trình trả nợ, bà U trình bày bà L chỉ trả được số tiền tổng cộng 7.300.000 đồng do bà C, anh H và anh T nhận thay bà U. Trong đó, bà L trả số tiền 1.500.000 đồng cho anh T. Việc bà L trả tiền thì bà U chỉ theo dõi chứ không ghi sổ sách hay làm biên nhận cho bà L. Đến nay bà L còn nợ số tiền 16.700.000 đồng nhưng trước đó bà U có hứa cho bà L số tiền 2.000.000 đồng nên nay chỉ yêu cầu bà L trả số tiền 14.700.000 đồng. Tại phiên hòa giải, bà L trình bày đã trả nợ xong, cụ thể: trả số tiền 2.000.000 đồng do bà C nhận thay; trả số tiền 3.800.000 đồng do anh H nhận thay; trả 16.200.000 đồng do anh T nhận thay; còn lại số tiền 2.000.000 đồng bà U đã đồng ý cho bà L. Vì vậy, nay bà L không đồng ý trả theo yêu cầu của bà U. Như vậy, các bên chỉ tranh chấp số tiền mà bà L đã trả do anh T nhận thay là 1.500.000 đồng hay 16.200.000 đồng.

[6] Tại phiên hòa giải, anh T thừa nhận chỉ nhận của bà L số tiền tổng cộng 1.500.000 đồng, ngoài ra không còn nhận thêm số tiền nào khác. Khi nhận tiền thì anh T không lập sổ theo dõi cũng như không ký tên vào sổ theo dõi của bà L. Bà L thì cho rằng đã trả cho anh T số tiền tổng cộng 16.200.000 đồng. Khi giao tiền cho anh T thì bà và anh T đều có sổ theo dõi. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà L không cung cấp sổ theo dõi như đã trình bày cho Tòa án và cũng như không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh đã đưa cho anh T số tiền tổng cộng 16.200.000 đồng. Việc bà L trình bày nhưng anh T không thừa nhận, bà L thì không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Do đó, chỉ có căn cứ xác định bà L chỉ đưa cho anh T được số tiền 1.500.000 đồng chứ không phải 16.200.000 đồng.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định bà L đã trả được số tiền tổng cộng 7.300.000 đồng, sau khi trừ thêm số tiền 2.000.000 đồng mà bà U đồng ý cho bà L thì còn nợ lại số tiền 14.700.000 đồng. Nay bà U yêu cầu bà L trả số tiền vốn còn nợ 14.700.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[8] Về yêu cầu trả tiền lãi: Bà U không yêu cầu bà L trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà U, buộc bà L có nghĩa vụ trả nợ nên bà L phải chịu án phí theo quy định pháp luật, trả lại cho bà U số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị U.

2. Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc L trả cho bà Dương Thị U số tiền 14.700.000 đồng (Mười bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 735.000 đồng (Bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

- Bà Dương Thị U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 360.000 đồng (Ba trăm sáu mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012725, ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

4. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Phương Thảo

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Bé Hai – Võ Thị Điệp

Phan Thị Phương Thảo